

Số: 114 /QĐ-SCT

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2024**

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Quyết định số 78/2024/QĐ-UBND ngày 29/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh, phân bổ và giao bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị, và địa phương để thực hiện nhiệm vụ;

Theo đề nghị của Phụ trách Văn phòng sở.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho Văn phòng Sở Công Thương để triển khai thực hiện nhiệm vụ. (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng sở, các Trưởng phòng chuyên môn thuộc sở và các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Bảng thông báo;
- Website Sở; (Thông)
- Lưu: VT, VP<sub>Kto</sub>.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Quốc Sanh**

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

**Đơn vị: Sở Công Thương**

**Chương: 416**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 114/QĐ-SCT ngày 11/10/2024 của Sở Công Thương )

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

*ĐV tính: triệu đồng*

| Số TT      | Nội dung   | Dự toán được giao |
|------------|--|-------------------|
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>472,73</b>     |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>472,73</b>     |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      | <b>472,73</b>     |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   | 459,95            |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             | 12,78             |
| <b>2</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                       |                   |
| 2.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                          |                   |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                     |                   |